

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2005/QĐ-BTC

*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính
đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 27/2003/NĐ-CP ngày 19/3/2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2000/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 164/2003/NĐ-CP; Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5852/VPCP-QHQT ngày 27 tháng 10 năm 2004 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Sở Tài chính và Cục trưởng Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức

năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm thi hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các cơ sở kinh doanh và đại diện các Bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh được phép tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Thị Băng Tâm

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ****Quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh
trò chơi có thưởng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 91/2005/QĐ-BTC
ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này áp dụng đối với các hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng;
2. Các cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng chịu sự điều chỉnh của Quy chế này và chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. “Trò chơi có thưởng” là việc người chơi dùng tiền hoặc đồng tiền quy ước để đặt chơi thông qua máy chơi trò chơi có thưởng nhằm thu được một số tiền thưởng với những tỷ lệ nhất định.

a) “Trò chơi điện tử có thưởng” là trò chơi có thưởng, nhưng trong suốt quá trình chơi, người chơi chỉ trực tiếp chơi

với các máy chơi trò chơi điện tử có thưởng và nhân viên Điểm vui chơi giải trí có thưởng không được phép can thiệp hoặc tham gia dưới mọi hình thức vào quá trình chơi của người chơi.

b) “Trò chơi có thưởng khác” là trò chơi có thưởng, nhưng trong quá trình chơi nhân viên làm việc tại Điểm vui chơi giải trí có thưởng thực hiện một số công việc phục vụ người chơi, như: chia bài, phát và thu chip của khách chơi tại Máy chơi trò chơi có thưởng.

2. “Đồng tiền quy ước” là các đồng chip, đồng chip trung gian và đồng xèng được sản xuất theo tiêu chuẩn kỹ thuật chung chỉ dùng trong hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng có thể đổi ra tiền mặt, riêng chip trung gian là loại chip chỉ đổi được tiền mặt thông qua đồng chip. Trên mỗi đồng chip và chip trung gian có ghi giá trị một đơn vị tiền tệ nhất định, còn trên đồng xèng có thể ghi hoặc không ghi giá trị nhưng giá trị của nó được quy đổi theo quy định của cơ sở kinh doanh.

3. “Máy chơi trò chơi có thưởng” là một loại thiết bị chuyên dụng được thiết kế

cho mục đích chơi một trò chơi may rủi hay một trò chơi được thực hiện dựa trên các kỹ năng khéo léo hoặc kết hợp giữa may rủi và kỹ năng khéo léo.

a) “Máy chơi trò chơi điện tử có thưởng” là máy chơi trò chơi có thưởng dùng cho trò chơi điện tử có thưởng, trong đó tỷ lệ trả thưởng và hệ thống trả thưởng tự động được cài đặt sẵn trong máy.

b) “Máy chơi trò chơi có thưởng khác” là máy chơi trò chơi có thưởng, nhưng không thuộc các loại máy quy định tại Mục a Khoản 3 Điều này.

4. “Tỷ lệ thưởng” là tỷ lệ số tiền người chơi có thể thu được so với số tiền đặt chơi khi chơi trò chơi có thưởng theo các Thể lệ trò chơi đã được Bộ Tài chính chấp thuận.

5. “Điểm vui chơi giải trí có thưởng” là khu vực riêng đã được xác định và đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền dùng để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của cơ sở kinh doanh.

Chương II

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ THU NHẬP CỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI CÓ THƯỞNG

Điều 3. Doanh thu

Doanh thu của hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng là số tiền thu được

(chưa có thuế giá trị gia tăng) do đổi cho khách trước khi chơi tại quầy đổi tiền hoặc máy chơi trừ số tiền đổi trả lại cho khách và được xác định như sau:

1. Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

a) Đối với máy chơi trò chơi điện tử có thưởng mà khi chơi người chơi phải đưa đồng tiền quy ước hoặc tiền trực tiếp vào máy chơi điện tử để tiến hành chơi: Doanh thu là toàn bộ số tiền thu được khi mở túi.

b) Đối với máy chơi trò chơi điện tử có thưởng khác: Doanh thu là toàn bộ số tiền thu được của khách được xác định theo hóa đơn thu tiền tại quầy thu ngân, tức là bằng tổng số tiền thu được của khách theo hóa đơn đổi tiền trừ đi số tiền trả lại cho khách do khách thắng hoặc khách chơi chưa hết.

2. Đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng khác

a) Doanh thu của các trò chơi có thưởng khác được xác định từng ngày tại máy chơi trò chơi có thưởng.

b) Cơ sở kinh doanh phải theo dõi doanh thu của các trò chơi có thưởng khác tại quầy để đối chiếu khi xác định doanh thu.

Điều 4. Chi phí

Chi phí hợp lý của hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng là toàn bộ chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng được xác định theo quy

định của pháp luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Điều 5. Thu nhập

Thu nhập của hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng bằng doanh thu theo quy định tại Điều 3 Quy chế này trừ (-) các khoản chi phí hợp lý phục vụ cho hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng được xác định theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 6. Hạch toán đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế theo phương thức khoán.

Các cơ sở kinh doanh được phép hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán quy định tại Điều 8 Quy chế này thì phải thực hiện hạch toán riêng doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng.

Chương III

VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÒ CHƠI CÓ THƯỞNG

Điều 7. Thuế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng là 28%, không miễn giảm. Trường hợp, các cơ sở kinh doanh đã

được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định cụ thể tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

2. Các loại thuế khác: Thực hiện theo quy định tại các pháp luật thuế hiện hành.

Điều 8. Phương thức nộp thuế

1. Cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán.

a) Mức thuế khoán được xác định trên cơ sở số máy và loại máy đang được cơ sở kinh doanh sử dụng hoạt động kinh doanh theo quy định tại Phụ lục đính kèm. Mức thuế khoán quy định tại Khung thuế khoán của Phụ lục này được điều chỉnh sau thời gian hai (02) năm mức điều chỉnh phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và sự thay đổi của chính sách thuế.

b) Căn cứ vào Khung thuế khoán quy định tại Phụ lục và tình hình kinh doanh cụ thể của cơ sở kinh doanh, Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định mức thuế khoán cụ thể cho từng cơ sở kinh doanh và chi tiết cho mỗi loại thuế. Mức thuế khoán được áp dụng ổn định trong thời gian hai (02) năm.

Trên cơ sở mức thuế khoán hàng năm,

cơ sở kinh doanh xác định mức nộp cụ thể của từng tháng bằng mức thuế khoán của năm chia cho mười hai (12) tháng và thực hiện nộp thuế của từng tháng trước ngày 05 của tháng tiếp theo.

2. Cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện nộp thuế theo pháp luật hiện hành; trường hợp, nếu Bộ Tài chính quyết định cho phép khoán thuế thì thực hiện nộp thuế theo phương thức và mức thuế khoán cụ thể quy định tại Quyết định đó.

Chương IV

TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Điều 9. Chế độ kế toán

Các cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán của Việt Nam.

Điều 10. Tổ chức thực hiện công tác kế toán

Cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng phải tổ chức thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hiện hành. Lập và kiểm tra hệ thống chứng từ kế toán, xây dựng hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại đơn vị đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính của cơ sở kinh

doanh kèm theo các mẫu hóa đơn chứng từ mang tính đặc thù dành cho hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng, trong đó các hóa đơn bắt buộc phải có gồm: Phiếu xuất chíp (xèng), Phiếu nhập chíp (xèng), Hóa đơn đổi tiền cho khách, Phiếu tổng hợp doanh thu, Phiếu kết toán thu ngân như quy định tại Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 đính kèm.

Điều 11. Nội dung và yêu cầu thực hiện công tác kế toán

Cơ sở kinh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng phải thực hiện công tác kế toán theo các nội dung và yêu cầu của pháp luật kế toán hiện hành.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 12. Đăng ký đồng tiền quy ước

Cơ sở kinh doanh kinh doanh trò chơi có thưởng phải đăng ký mẫu đồng tiền quy ước với Sở Tài chính và Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 13. Quản lý tiền và/hoặc đồng tiền quy ước

Cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng phải bố trí các hòm (túi) chuyên dụng để đựng tiền và/hoặc đồng tiền quy ước thu được. Các hòm (túi) này phải được niêm phong trước khi mang ra khỏi kho chíp, xèng và

ngay sau khi mang ra khỏi máy trò chơi có thưởng. Việc mở niêm phong các hòm (túi) này phải được thực hiện vào một thời gian nhất định theo quy định của cơ sở kinh doanh dưới sự giám sát của Ban Giám sát theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 14. Giám sát hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng

1. Toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng được giám sát bởi Ban Giám sát Điểm vui chơi giải trí có thưởng (sau đây gọi tắt là Ban Giám sát). Các Điểm vui chơi giải trí có thưởng phải được bố trí các thiết bị theo dõi, ghi hình thường xuyên (24/24h) các hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng.

2. Cơ sở kinh doanh được phép kinh doanh trò chơi có thưởng phải thành lập Ban Giám sát và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám sát nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hàng ngày việc chấp hành Quy chế này, Thể lệ trò chơi có thưởng, quy trình nghiệp vụ và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp cơ sở kinh doanh hoạt động theo hình thức liên doanh hoặc Hợp đồng hợp tác kinh doanh thì Ban Giám sát phải bao gồm: đại diện Bên Việt Nam, đại diện Bên nước ngoài.

3. Cơ sở kinh doanh phải thông báo danh sách các thành viên của Ban Giám sát cho cơ quan thuế địa phương và có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên

quan đến quá trình giám sát hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng cho cơ quan thuế địa phương khi được yêu cầu.

Chương VI

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH TRÒ CHƠI CÓ THƯỞNG

Điều 15. Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng

Chỉ các cơ sở kinh doanh đã được Bộ Tài chính xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng theo quy định tại Điều 17 Quy chế này mới được phép hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng.

Điều 16. Hồ sơ xin xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng

- Đơn xin xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng;

- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng;

- Tài liệu chứng minh về sự hoàn thành của các hạng mục đầu tư chính được quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh và Điểm vui chơi giải trí có thưởng;

- Thể lệ trò chơi có thưởng do cơ sở kinh doanh xây dựng, trong đó quy định cụ thể về quy mô chủng loại máy chơi trò chơi có thưởng, hệ thống kiểm soát máy trò chơi

có thưởng, cách thức tổ chức của từng trò chơi, tỷ lệ và phương thức trả thưởng, chip (xèng), quy trình luân chuyển và quản lý chip (xèng), các loại hóa đơn chứng từ, các mẫu chip và xèng, giá trị của từng đồng xèng, hòm (túi) đựng chip (xèng).

Điều 17. Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng

1. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ xin xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng của cơ sở kinh doanh quy định tại Điều 16 Quy chế này, Bộ Tài chính sẽ tiến hành xem xét xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng cho cơ sở kinh doanh hoặc thông báo cho cơ sở kinh doanh nếu chưa đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng.

2. Xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng của Bộ Tài chính sẽ là căn cứ để cơ sở kinh doanh bố trí số lượng, chủng loại máy chơi trò chơi có thưởng, tổ chức hoạt động kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ thuế.

3. Khi cơ sở kinh doanh có nhu cầu thay đổi quy mô và chủng loại máy phải điều chỉnh lại Thể lệ trò chơi có thưởng và làm thủ tục xin xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng như quy định tại Điều 16 Quy chế này.

4. Cơ sở kinh doanh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh và đã hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng thì

chậm nhất trong vòng 45 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực phải nộp hồ sơ lên Bộ Tài chính để được xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng.

Chương VII

KIỂM TRA - XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Kiểm tra tài chính

Bộ Tài chính thực hiện việc kiểm tra tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của cơ sở kinh doanh.

Việc kiểm tra tài chính được thực hiện định kỳ không quá một lần trong một năm, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất. Thời gian kiểm tra và thành phần tham gia cụ thể do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 19. Các hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng.

1. Vi phạm Quy chế này và Thể lệ trò chơi có thưởng đã được Bộ Tài chính phê duyệt.

2. Vi phạm các quy định về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng vi phạm các quy định tại Điều 19 Quy chế này, ngoài việc bị xử lý theo các quy định

của pháp luật hiện hành, cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng sẽ bị xử lý như sau:

1. Đình chỉ có thời hạn từ 03 tháng đến 01 năm đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của cơ sở kinh doanh và thông báo với cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

2. Thu hồi xác nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi có thưởng của cơ sở kinh doanh và thông báo với cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tái vi phạm.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

Cơ sở kinh doanh được phép hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng phải thực hiện đầy đủ các quy định của Quy chế này. Các vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị gửi về Bộ Tài chính để được hướng dẫn và xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Thị Băng Tâm

Phụ lục: Khung thuế khoán đối với hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

Số thứ tự	Loại máy	Khung thuế khoán	
		Đối với cơ sở kinh doanh có dưới 50 máy hoạt động	Đối với cơ sở kinh doanh có từ 50 máy hoạt động trở lên
1	Máy chơi trò chơi điện tử có thưởng được thiết kế để đáp ứng chỉ cho 01 người chơi	5.000 - 7.000USD/năm/máy	7.000 - 10.000USD/năm/máy
2	Máy chơi trò chơi điện tử có thưởng được thiết kế để đáp ứng cho từ 02 người đến 04 người có thể chơi cùng một lúc.	10.000 - 15.000 USD/năm/máy	15.000 - 20.000 USD/năm/máy
3	Máy chơi trò chơi điện tử có thưởng được thiết kế để đáp ứng cho từ 05 người đến 08 người có thể chơi cùng một lúc	20.000 - 25.000 USD/năm/máy	25.000 - 35.000 USD/năm/máy
4	Máy chơi trò chơi điện tử có thưởng được thiết kế để đáp ứng cho từ 09 người trở lên có thể chơi cùng một lúc	35.000 - 40.000 USD/năm/máy	40.000 - 50.000 USD/năm/máy

Mẫu số 02

PHIẾU NHẬP CHÍP

Tên Doanh nghiệp:

Ban hành kèm theo Quyết định số
91/2005/QĐ-BTC ngày 08 tháng 12
năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

MST:

Liên....

Ngày..... tháng..... năm.....

Ký hiệu:

Điểm hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng:

Tên máy:

Đơn vị tính:

Mệnh giá Chíp (xèng)	Chíp (xèng)		Chíp trung gian (nếu có)	
	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
Thành tiền				
Tổng cộng				
Ghi chú				

Giám đốc

Kế toán

Kho quỹ

Phụ trách
máy trò chơi

Kiểm soát

Ghi chú: - Phiếu này được lập làm 3 liên khi nhập chíp (xèng)

- Đơn vị tính là đơn vị tiền tệ ghi trên chíp (xèng).

Mẫu số 05**PHIẾU KẾT TOÁN THU NGÂN****Tên Doanh nghiệp:**Ban hành kèm theo Quyết định số
91/2005/QĐ-BTC ngày 08 tháng 12
năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính**MST:**

Liên.....

Ngày..... tháng..... năm

Ký hiệu:**Điểm hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng:****Tên máy:****Đơn vị tính:**

Xuất chíp (xèng)									
Nhập chíp (xèng)									
Đối chiếu mức chênh lệch									
Số thu					Số chi				
Danh mục	Loại tiền	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền	Danh mục	Loại tiền	Nguyên tệ	Tỷ giá	Thành tiền
Tổng									
Mức chênh lệch									

Giám đốc**Kế toán****Thủ quỹ****Thu ngân**

- Ghi chú: - Phiếu này được lập hàng ngày làm 3 liên tại quầy đổi tiền (quầy thu ngân).
 - Loại tiền được ghi theo loại tiền thực thu.
 - Tỷ giá quy đổi theo tỷ giá công bố của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.